TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HS - ST
Ngày: 02 /5/ 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐĂKLĂK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão
2. Ông Nguyễn Văn Mạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk, xét xử sơ thẩm công kH vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST - HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Chìu S T**; Tên gọi khác: M; Sinh năm: 1985 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú và chổ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Triệu Văn T, đã chết và con bà Chìu N M, sinh năm 1952; hiện bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ là Lý Thị M, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2004. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Chìu Tắc H**; Sinh năm: 1959 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Chìu Kim T, đã chết và con bà Bàn Thị C, sinh năm: 1937, hiện bà đang sinh sống tại xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ninh;

Bị cáo có vợ là Triệu Kim H, sinh năm 1960 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1981 và con nhỏ nhất sinh năm 1992. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Chìu A N**. Tên gọi khác: Thương; Sinh năm: 1989 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chìu Chăn Th, sinh năm: 1962 và con bà Lý V M, sinh năm: 1961, hiện ông bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Lý Thị M, sinh năm 1986 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Hiện vợ, con đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: **Triệu Tiến H**. Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1988 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông;

Con ông Triệu S P, sinh năm: 1968 và con bà Phùn V M, sinh năm: 1968, hiện ông bà sinh sống và làm nông tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo có vợ là Triệu A M, sinh năm: 1986 và 02 con, con lớn sinh năm: 2004, con nhỏ sinh năm 2005. Hiện vợ, con bị cáo sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 08/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: **Chìu Quay L**. Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1965 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chìu Tắc S, đã chết và con bà Lý V M, sinh năm: 1946, hiện bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Phùn V M, sinh năm: 1967 và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 08/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

6. Họ và tên: **Chíu A S**. Tên gọi khác: không; Sinh năm:1978 tại Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 0/12;

Nghề nghiệp: làm nông;

Con ông Chíu Sáng D, sinh năm 1960 và con bà Lý Mản M, sinh năm: 1959, hiện ông bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo có vợ là Lý Thị M, sinh năm: 1983 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2004, con nhỏ nhất sinh năm: 2008. Hiện vợ con đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 08/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

7. Họ và tên: **Chíu A N**. Tên gọi khác: L; Sinh năm: 1980 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chíu Sáng D, sinh năm 1960 và con bà Lý Mản M, sinh năm 1959. Hiện ông bà sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Vòng Xám M, sinh năm: 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 1998 và con nhỏ sinh

năm 2002. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 08/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/01/2019 đươc tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

8. Họ và tên: **Triệu Văn T**; Sinh năm: 1968 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Triệu Sinh Q và con bà Lý Thị M. Hiện ông, bà đã chết; Bị cáo có vợ là Triệu Kim H, sinh năm: 1972 và 02 con, con lớn sinh năm 1995 và con nhỏ sinh năm 2003. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 08/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 08/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

9. Họ và tên: **Đặng A H**. Sinh năm: 1991 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đặng Văn H, đã chết và con bà Vòng V M, sinh năm 1964. Hiện bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con;

Ngày 09/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

10. Họ và tên: **Triệu A N**; Sinh năm: 1991 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chìu Quay S, sinh năm 1961 và con bà Triệu Kim M, sinh năm 1968. Hiện ông bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Lý Thị B, sinh năm: 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm 2010. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 09/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

11. Họ và tên: **Chíu A P**; Sinh năm: 1986 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chíu Sáng D, sinh năm 1960 và con bà Lý Mản M, sinh năm 1959. Hiện ông bà sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Phan Thị K, sinh năm: 1996 và 02 con, con lớn sinh năm 2016 và con nhỏ sinh năm 2018. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 09/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

12. Họ và tên: **Chìu A V**; Sinh năm: 1986 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Chìu Chăn Th, sinh năm 1962 và con bà Lý Vòng M, sinh năm 1961. Hiện bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Chíu Sám M, sinh năm: 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002 và con nhỏ nhất sinh năm 2015. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 09/01/2019 ra đầu thú. Bị tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 16/01/2019 được tại ngoại và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

13. Họ và tên: **Tằng Văn H**; Sinh năm: 1995 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Tằng A U, sinh năm 1972 và con bà Lý Vòng M, sinh năm 1972. Hiện ông, bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Chíu Thị H, sinh năm: 1992 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012 và con

nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 15/01/2019 ra đầu thú. Ngày 16/01/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

14. Họ và tên: **Lý Văn S**; Sinh năm: 1978 tại tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Dao; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lý Sòi Ph, sinh năm 1958 và con bà Chíu Vòng M, sinh năm 1962. Hiện ông bà đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị can có vợ là Vòng Sám M sinh năm: 1984, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997 và con nhỏ nhất sinh năm 2001. Hiện vợ, con bị cáo đang sinh sống tại thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: không.

Ngày 15/01/2019 ra đầu thú. Ngày 16/01/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Hiện đang tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Triệu Đức H , sinh năm: 1978 (có mặt)

Trú tại: Thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Tô Tiến V, sinh năm: 1969 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 07/01/2019, tại nhà rẫy cà phê của ông Tô Tiến V thuộc thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Chìu S T, Chìu Tắc H, Chìu A N, Triệu Tiến H, Chìu Quay L, Chíu A S, Chíu A N, Triệu Văn T, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H, Lý Văn S và một số người khác cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar bắt quả tang, bắt giữ Chìu S T, Chìu Tắc H và Chìu A N, những đối tượng còn lại bỏ chạy trốn.

Ngày 08/01/2019, Chíu A S, Triệu Văn T, Triệu Tiến H, Chíu A N và Chìu Quay L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú; Ngày 09/01/2019, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú; Ngày 15/01/2019 Tằng Văn H, Lý Văn S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú về hành vi đánh bạc ngày 07/01/2019.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.280.000 đồng và một số dụng cụ đánh bạc là 01 chén nhựa màu vàng đường kính 10 cm; 01 đĩa nhựa màu trắng đường kính 23 cm, 04 con vị được cắt từ lá bài Tây; 03 bao xác rắn màu trắng.

Tại bản cáo trạng số: 17 CT -VKS ngày 02 tháng 4 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố các bị cáo Chìu S T, Chìu Tắc H, Chìu A N, Triệu Tiến H, Chìu Quay L, Chíu A S, Chíu A N, Triệu Văn T, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H, Lý Văn S về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng T giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Chìu S T, Chìu Tắc H, Chìu A N, Triệu Tiến H, Chìu Quay L, Chíu A S, Chíu A N, Triệu Văn T, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H, Lý Văn S phạm tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2, Điều 51, khoản 1,2,3,5 Điều 65 BLHS: Xử phạt các bị cáo Chíu A N, Chìu S T, Triệu Tiến H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, T gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt các bị cáo Chìu A N, Chìu Quay L, Đặng A H, Triệu A N, Chìu A V, Tằng Văn H, Triệu Văn T, Lý Văn S, Chíu A S, Chìu Tắc H, Chíu A P từ 03 đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý các vật chứng.

Các bị cáo không có ý kiến gì đối đáp tranh luận, chỉ lần lượt nói lời sau cùng mong được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện CưM'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 07/01/2019, sau khi đi dự đám cưới về, Chìu S T, Chìu Tắc H, Chìu A N, Chíu A S, Triệu Văn T, Triệu Tiến H, Chíu A N, Chìu Quay L, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H và Lý Văn S thấy tại rẫy cà phê thuộc thôn 6, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk của ông Tô Tiến V (sinh năm 1969) có một số người đang tụ tập đánh bạc nên các bị cáo vào tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền theo hình thức sau: Người xóc cái sử dụng 04 con vị bỏ vào trong đĩa, dùng chén úp lại rồi xóc lên. Người đánh bạc đặt tiền vào các mặt chẵn hoặc lẻ, không giới hạn số tiền đặt cược là bao nhiêu. Kết quả xóc cái nếu có 04 con vị hoặc 02 con vị cùng nằm sấp hoặc nằm ngửa thì gọi là chẵn, nếu có 01 con vị hoặc 03 con vị cùng nằm sấp hoặc nằm ngửa thì gọi là lẻ. Người thắng cược là người đặt tiền trùng với kết quả xóc cái. Người thắng sẽ nhận lại được số tiền đã đặt cược và được nhận thêm số tiền tương ứng với số tiền đã đặt cược từ người xóc cái. Người thua là người đặt tiền không trùng với kết quả xóc cái, người thua sẽ mất số tiền đã đặt cược. Khi đánh bạc, người đánh bạc có thể thay phiên nhau cầm cái xóc đĩa.

Trong quá trình đánh bạc Chíu A N mang theo số tiền 50.000 đồng tham gia đánh bạc 01 ván thì thua hết, trên đường đi về, N gặp và mượn của anh Triệu Đức H số tiền 1.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc khoảng 10 ván; Chìu S T dùng số tiền 600.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 10 ván; Triệu Tiến H dùng số tiền 600.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 10 ván; Chìu A N dùng số tiền 300.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 04 ván; Chìu Quay L dùng số tiền 240.000 đồng tham gia đánh khoảng 04 ván; Đặng A H sử dụng số tiền 200.000 đồng đánh khoảng 10 ván; Triệu A N dùng số tiền 200.000 đồng đánh 01 ván; Chìu A V dùng số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 10 ván; Tằng Văn H dùng số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; Triệu Văn T sử dụng số tiền

160.000 đồng đánh khoảng 05 ván; Chíu A S dùng số tiền 150.000 đồng tham gia đánh khoảng 10 ván; Lý Văn S dùng số tiền 150.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; Chìu Tắc H dùng số tiền 100.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; Chíu A P dùng số tiền 100.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar bắt quả tang, bắt giữ Chìu S T, Chìu Tắc H và Chìu A N, những đối tượng còn lại bỏ chạy trốn.

Ngày 08/01/2019, Chíu A S, Triệu Văn T, Triệu Tiến H, Chíu A N và Chìu Quay L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú; Ngày 09/01/2019, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú; Ngày 15/01/2019 Tằng Văn H, Lý Văn S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đầu thú về hành vi đánh bạc ngày 07/01/2019. Số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ trên chiếu bạc là 6.280.000 đồng.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Xét hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của nhà nước về trật tự công cộng là khách thể luôn được pháp luật hình sự bảo vệ nên các bị cáo phải chịu xử lý về hình sự.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức nên biết đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, muốn kiếm tiền bằng hành vi trái pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng mức độ tham gia của từng bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa khi áp dụng hình phạt đối với mỗi bị cáo.

Bị cáo Chíu A N tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất là 1.050.000đ khoảng 11 ván nên bị cáo Chíu A N phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Chìu S T, Triệu Tiến H mỗi bị cáo dùng số tiền 600.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 10 ván nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau, thấp hơn bị cáo Chíu A N nhưng cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Bị cáo Chìu A N dùng số tiền 300.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 04 ván; Chìu Quay L dùng số tiền 240.000 đồng tham gia đánh khoảng 04 ván; Đặng A H sử dụng số tiền 200.000 đồng đánh khoảng 10 ván; Triệu A N dùng số tiền 200.000 đồng đánh 01 ván; Chìu A V dùng số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 10 ván; Tằng Văn H dùng số tiền 200.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau, thấp hơn các bị cáo Chíu A N, Chìu S T, Triệu Tiến H nhưng cao hơn các bị cáo khác;

Bị cáo Triệu Văn T sử dụng số tiền 160.000 đồng đánh khoảng 05 ván; Lý Văn S dùng số tiền 150.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; Chíu A S dùng số tiền 150.000 đồng tham gia đánh khoảng 10 ván; Chìu Tắc H dùng số tiền 100.000 đồng tham gia đánh bạc khoảng 03 ván; Chíu A P dùng số tiền 100.000 đồng, tham gia đánh bạc khoảng 03 ván nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt như nhau nhưng thấp hơn các bị cáo khác.

Xét các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú. Sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là người dân tộc thiểu số, là những tiết tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra các bị cáo Triệu Tiến H, Chìu Quay L, Chíu A S, Chíu A N, Triệu Văn T, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H và Lý Văn S được hưởng thêm tình tiết người phạm tội ra đầu thú nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo Chíu A N, Chìu S T, Triệu Tiến H, Chìu A N, Chìu Quay L, Đặng A H, Triệu A N; Chìu A V, Tằng Văn H được hưởng án treo, giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ giáo dục các bị cáo.

Đối với các bị cáo Triệu Văn T, Lý Văn S, Chíu A S, Chìu Tắc H, Chíu A P ngoài việc được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định

tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như các bị cáo khác còn là những bị cáo có số tiền đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục các bị cáo.

Xét các bị cáo đều có nghề nhiệp là làm nông, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có thu nhập thấp, không ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ vào thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự**.** Cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ;

Trong vụ án này, còn một số đối tượng bỏ trốn, Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành điều tra, xác minh, khi có đủ chứng cứ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

Đối với Triệu Đức H là người cho bị cáo Chíu A N mượn số tiền 1.000.000 đồng nhưng Triệu Đức H không biết bị cáo Chíu A N dùng số tiền trên để đánh bạc nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Tô Tiến V là chủ sở hữu rẫy cà phê, nơi các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nhưng ông V không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với số tiền **6.280.000 đồng** Cơ quan điều tra Công an huyện Cưmgar đã thu giữ trên chiếu bạc hiện đã được chuyển vào tài khoản số 3949.0.01047.4667.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưMgar là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc là 01 chén nhựa màu vàng đường kính 10 cm; 01 đĩa nhựa màu trắng đường kính 23 cm, 04 con vị được cắt từ lá bài Tây; 03 bao xác rắn màu trắng cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Tuyên bố:*** Các bị cáo Chìu S T, Chìu Tắc H, Chìu A N, Triệu Tiến H, Chìu Quay L, Chíu A S, Chíu A N, Triệu Văn T, Đặng A H, Triệu A N, Chíu A P, Chìu A V, Tằng Văn H, Lý Văn S phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chíu A N 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Chìu S T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, T gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Tiến H 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chìu A N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo cáo Chìu Quay L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng A H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu A N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chìu A V 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Tằng Văn H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo Chíu A N, Chìu S T, Triệu Tiến H,Chìu A N, Chìu Quay L, Đặng A H, Triệu A N, Chìu A V, Tằng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,3 Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 ngày tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lăk nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51 khoản 1, 2,3 Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Văn S 06 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lăk nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong T gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, khoản1,2,3 Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Chíu A S 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 08 ngày tạm giữ bằng 24 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 06 ngày.T hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lăk nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, khoản 1, 2,3 Điều 36 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Chìu Tắc H 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành là 05 tháng 03 ngày. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lăk nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2, 3 Điều 36 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Chíu A P 06 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 07 ngày tạm giữ bằng 21 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lăk nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo;

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước **6.280.000 đồng** đồng thu giữ trên chiếu bạc hiện đã được chuyển vào tài khoản số 3949.0.104746700000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưMgar là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chén nhựa màu vàng đường kính 10 cm; 01 đĩa nhựa màu trắng đường kính 23 cm, 04 con vị được cắt từ lá bài Tây; 03 bao xác rắn màu trắng (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2019)

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Chíu A N, Chìu S T, Triệu Tiến H, Chìu A N, Chìu Quay L, Đặng A H, Triệu A N, Chìu A V, Tằng Văn H, Triệu Văn T, Lý Văn S, Chíu A S, Chìu Tắc H, Chíu A P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh; TA tỉnh ĐakLak ;*
- *Sở Tư pháp ĐakLak;*
- *Vụ giám đốc kiểm tra I;*
- *VKS huyện CưM'gar*
- *CA huyện CưM'gar;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Thi hành án HS ;*
- *UBND xã E*
- *Bị cáo; người liên quan;*
- *Lưu văn thư; hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hiền